

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TÒA PHÚC THẨM  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 514/2026/DS-PT

Ngày: 29 - 5- 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán; Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Cao Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Nôi - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2026/TLPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán; Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2160/2026/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần C.

Địa chỉ: Số A, đường Q, Phường B - B, tỉnh Lâm Đồng.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Vũ N, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Tuấn M, Chức vụ: Phó Giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2026) – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Võ Quang V, Luật sư Phạm Quỳnh H1 – Công ty L, thuộc đoàn Luật sư Thành phố H – Luật sư V có mặt, luật sư H1 vắng mặt.

Địa chỉ: Số A M, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1959 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1960 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1994 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Nguyễn Khương A, sinh năm 1994 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1990 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L).

Địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh L, số C, đường T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh L;

Địa chỉ: Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ủy quyền tham gia tố tụng: ông Bùi Thanh H2, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

## **NỘI DUNG:**

*Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần C (viết tắt là Công ty C) người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Tuấn M trình bày:*

Công ty C là chủ sử dụng đất hợp pháp thửa đất số 207, tờ bản đồ số 40, có diện tích 13.025m<sup>2</sup>, tại địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 929238, sổ vào sổ T00118 do UBND tỉnh L cấp ngày 29/08/2008; mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây nông nghiệp lâu năm; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Đây là thửa đất Nhà nước cho Công ty C thuê để canh tác nông nghiệp. Ông Nguyễn Trọng T có nhà đất nằm cạnh thửa đất trên của Công ty.

Năm 2001, ông Nguyễn Trọng T có đơn gửi Công ty C xin được nhận khoán thửa đất nêu trên. Ngày 01/11/2001, Công ty kí kết Hợp đồng khoán vườn cây số: 4092/HKĐ với ông Nguyễn Trọng T, theo đó bàn giao diện tích 13.025m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 207, tờ bản đồ số 40, tại địa chỉ xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cùng với 12.500 cây chè PHI cho ông T quản lý, chăm sóc và nộp sản lượng khoán theo thỏa thuận. Thời hạn giao khoán 10 năm (từ năm 2001 đến năm 2010). Đến năm 2010, hai bên kí lại Hợp đồng khoán vườn chè số: 92/2/HĐK/CPC ngày 15/06/2010 tiếp tục giao khoán vườn chè tại thửa đất nêu trên cho ông T quản lý, chăm sóc.

Năm 2020 ông Nguyễn Trọng T sang nhượng lại một phần diện tích vườn chè mà ông T kí với Công ty. Cụ thể:

Ngày 23/03/2020, ông T sang lại hợp đồng khoán vườn cây với diện tích 3.500m<sup>2</sup> cho ông Đồng Xuân H3, theo đơn xin chuyển tên Hợp đồng khoán vườn cây và Hợp đồng số 34/2/HĐK-CPC ngày 01/01/2019.

Ngày 15/6/2020, ông T tiếp tục sang nhượng lại hợp đồng khoán vườn cây với diện tích 4000m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị Kim V1 theo Hợp đồng số 41c/2/HĐK-CPC ngày 15/6/2020 và bà V1 đã ký lại với công ty.

Diện tích đất còn lại 2.025m<sup>2</sup> ông Nguyễn Trọng T giữ lại để canh tác và ký hợp đồng mới với Công ty theo Hợp đồng khoán vườn cây số 41a/2/HĐK-CPC ngày 15/6/2020.

Việc chuyển nhượng sang lại hợp đồng khoán vườn cây và bàn giao tài sản nhận khoán như trên do các bên nhận khoán tự thực hiện, tự thỏa thuận với nhau. Công ty chỉ hỗ trợ về phần hợp đồng cho các bên theo đúng thủ tục.

Ngày 26/4/2021, Công ty T3 kiểm tra hiện trạng đất theo các hợp đồng trong đó có Hợp đồng khoán số 41a/2/HĐK-CPC của ông T thì phát hiện ông T đã lấn chiếm toàn bộ diện tích đất giao khoán 2.025m<sup>2</sup> và chặt toàn bộ 1.721 cây Chè giống PHI của Công ty và chuyển qua trồng cây cà phê mà không thông báo hay sự đồng ý của Công ty. Ngày 12/05/2021, Công ty làm việc với ông T, ông T không thừa nhận sai phạm mà nói rằng đó là đất của ông.

Ngày 09/07/2021, Công ty đã tiến hành đo đạc lại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 40 của các hộ nhận khoán lại từ ông T là ông Đồng Xuân H3 và bà Nguyễn Thị Kim V1 thì phát hiện diện tích đất giao khoán cho ông H3 và bà V1 bị thiếu hụt so với thực tế ghi trên hợp đồng giao khoán, cụ thể:

Theo hợp đồng giao khoán thì: Ông Đồng Xuân H3 nhận khoán lại diện tích 7000m<sup>2</sup>, nhưng thực tế chỉ giao 6.360m<sup>2</sup> (thiếu 640m<sup>2</sup>).

Theo hợp đồng giao khoán thì Bà Nguyễn Thị Kim V1 nhận lại diện tích 4000m<sup>2</sup>, nhưng thực tế chỉ giao 3.514m<sup>2</sup> (thiếu 486m<sup>2</sup>).

Như vậy, tổng diện tích đất 2 thửa trên bị thiếu khoảng 1.126m<sup>2</sup>.

Lý do có sự thiếu hụt diện tích đất này là do phần đất của nhà ông T nằm cạnh thửa đất mà Công ty G và trong quá trình nhận khoán, ông T đã cố tình thay đổi ranh giới, lấn chiếm đất mà Công ty G cho ông.

Phát hiện việc này nên ngày 16/07/2021 Công ty đã mời ông T và các hộ nhận khoán lên để giải quyết về phần diện tích 1.126m<sup>2</sup> đất mà ông T lấn chiếm nhưng ông T từ chối hợp tác vì cho rằng không lấn và cũng không còn nhận đất từ phía Công ty.

Công ty C đã nộp đơn đề nghị UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật, yêu cầu ông Nguyễn Trọng T trả lại diện tích đất bị lấn chiếm (tạm xác định là 2025m<sup>2</sup> + 1126m<sup>2</sup>) và trả lại vườn cây trồng (chè). Ngày 16/09/2021, UBND xã L đã tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng không thành.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu giải quyết:

1. Chấm dứt, thanh lý toàn bộ Hợp đồng khoán vườn cây số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020 được ký kết giữa Công ty C và ông Nguyễn Trọng T.

2. Yêu cầu ông Nguyễn Trọng T trả lại toàn bộ diện tích đất 3.151m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 40, xã B, tỉnh Lâm Đồng và cây chè cụ thể 2564 cây trong đó (1721 cây theo hợp đồng số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020 và 643 cây căn cứ vào diện tích đất giao thiếu và 15 cây thành tiền 133.000.000 đồng và yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất để trả lại hiện trạng cho Công ty.

3. Yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại số tiền 246.069.200 đồng do cây chè bị chặt phá.

*Bị đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng thuộc một phần thửa đất 207, tờ bản đồ số 40, tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng do gia đình ông khai phá từ năm 1987, trước đó chưa có ai tác động lên đất, lúc đó toàn bộ diện tích đất trên là đất rừng. Năm 1987, ông Vũ Viết N1 là đội trưởng Công ty chè xuống chỉ cho gia đình ông phần đất thuộc sự quản lý của Công ty chè và phần đất không thuộc sự quản lý của Công ty chè và đã cắm mốc phân ranh giới rõ ràng nên gia đình ông khai hoang phần diện tích đất không thuộc phần của Công ty chè.

Sau khi khai phá, ông đã làm vườn ươm ngay phía dưới diện tích đất diện quy hoạch của công ty C1 từ năm 1987 đến năm 1989. Năm 1989, công ty C1 tiến hành cày đất và trồng chè trên diện tích đất của công ty, khi đó ông có nhận khoán và trồng cây chè cho công ty C1 thuộc diện tích đất phía trên đất khai phá của gia đình ông, phần cây giống còn thừa gia đình ông tiến hành trồng trên phần diện tích mà gia đình ông đã tiến hành khai phá trước đó (cạnh diện tích đất chè của công ty C1 đường mòn nhỏ 2 mét dẫn sang diện tích đất khai phá của em vợ ông là ông Hoàng Anh T2). Đến năm 1996, công ty C1 bán đất cho Nông trường chè N, khi đó ông Vũ Viết N1 vẫn làm đội trưởng đội sản xuất cho nông trường N2. Ông đại diện gia đình ký hợp đồng nhận khoán với nông trường trên diện tích đất 1,2 héc ta, khi đó gia đình không hề hay biết diện tích đất mà gia đình đang khai phá, canh tác từ năm 1987 đã bị tính cả vào diện tích đất của nông trường. Đến năm 1997, gia đình ông chuyển đổi cơ cấu cây trồng nên đã phá toàn bộ diện tích cây chè, chuyển qua trồng cây cà phê và mở rộng ra

con đường 03 mét sang diện tích đất canh tác của ông Hoàng Anh T2. Sau đó nông trường ra kiểm tra và xác nhận không phải đất của nông trường vì ranh giới ngăn cách giữa đất nhà ông và đất nông trường chè. Gia đình ông canh tác trồng cây cà phê đến nay không tranh chấp với ai.

Năm 2019, ông thấy có sự sai diện tích đất của nông trường nhận khoán trên hợp đồng với diện tích thực tế nên đã viết đơn khiếu nại sai diện tích đất canh tác, yêu cầu nông trường đo đạc lại diện tích đất thực tế nhưng không có phản hồi. Toàn bộ diện tích đất trên gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1987 đến năm 2020, hiện nay phần đất gia đình ông khai hoang đã được đo đạc theo bản vẽ ngày 08/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B có diện tích 3.146,2m<sup>2</sup>. Việc Sở T cấp sổ đỏ cho Công ty chè trong đó có diện tích phần đất gia đình ông khai phá, ông hoàn toàn không biết.

Do đó, ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 929238 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 29/8/2008 cho Công ty C đối với diện tích 3.146,2m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 40 tại xã B, tỉnh Lâm Đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hoàng Thị X, ông Nguyễn Trọng D và ông Nguyễn Trọng T1, ông Nguyễn Khương A trình bày: Diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là do bố mẹ tôi khai phá từ năm 1987 để làm vườn cây giống sử dụng ổn định từ năm 1989 cho đến nay. Do đó, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, quyết định:**

*“...1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc “Tranh chấp hợp đồng giao nhận khoán; tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T.*

*Chấm dứt hợp đồng khoán vườn cây số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần C và ông Nguyễn Trọng T.*

*2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng T trả lại diện tích đất 3.117,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 40 xã L (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng và tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất theo hợp đồng giao khoán vườn cây số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020.*

*3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C về việc yêu cầu ông Nguyễn Trọng T bồi thường thiệt hại số tiền 246.069.200 đồng.*

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Trọng T về việc Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 929238 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp ngày 29/8/2008 cho Công ty cổ phần C”...

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

**\* Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:** Đại diện Công ty Cổ phần C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần C nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm thực hiện chưa đủ căn cứ giải quyết vụ án toàn diện, triệt để, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấm dứt, thanh lý toàn bộ Hợp đồng khoán vườn cây số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020 được ký kết giữa Công ty C và ông Nguyễn Trọng T.

Yêu cầu ông Nguyễn Trọng T trả lại toàn bộ diện tích đất 3.151m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 207, tờ bản đồ số 40, xã B, tỉnh Lâm Đồng và cây chè cụ thể 2564 cây trong đó (1721 cây theo hợp đồng số 41a/2/HĐK/CPC ngày 15/6/2020 và 643 cây căn cứ vào diện tích đất giao thiếu và 15 cây thành tiền 133.000.000 đồng và yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất để trả lại hiện trạng cho Công ty.

Yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại số tiền 246.069.200 đồng do cây chè bị chặt phá.

Nguồn gốc đất tranh chấp 3.151m<sup>2</sup> nằm trong một phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân tỉnh L cho Công ty cổ phần C thuê theo quyết định giao đất cho thuê ngày 13/11/2007 nhưng chưa hỏi Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc tại sao thời hạn cho thuê tính từ ngày 15/10/1993? Khi cho thuê có đo đạc và bàn giao đất trên thực tế không? Có biết ông T sử dụng phần đất 3.151m<sup>2</sup> hay

không? Nếu có thì từ thời gian nào? Công ty cổ phần C có nộp tiền thuê đất hay không? Cơ quan nào theo dõi thu tiền thuê đất, số tiền và cách thức nộp tiền thuê đất? Đối với diện tích đất tranh chấp 3.151m<sup>2</sup> thì ai là người nộp tiền thuê đất, thuê đất (nếu có)? Theo bản vẽ đo đạc ngày 18/8/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì trên phần ranh đất tranh chấp có một lối đi (đường đất) được hình thành từ khi nào? Do ai mở? Có thuộc đường dân sử dụng không? phần đất của con đường này hiện có nằm trong phần đất Công ty C thuê hay không?

Quan điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc cho Công ty cổ phần C thuê đất nhưng lại ký giao khoán cho các cá nhân khác có đúng không? Việc ông T quản lý sử dụng 3.151m<sup>2</sup> trên thực tế thì quan điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh L như thế nào?

(Cấp sơ thẩm tuyên án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C, thì về pháp lý diện tích đất này vẫn thuộc Công ty Cổ phần C được quyền sử dụng theo hợp đồng thuê, nên phải hỏi ý kiến của cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân tỉnh L)

Trong quá trình tố tụng, Tòa án sơ thẩm đã ban hành nhiều văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để làm rõ các nội dung và cung cấp chứng cứ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L đã có văn bản gửi Tòa án về việc giao cho Sở T tham gia tố tụng, trả lời các yêu cầu của Tòa án nhưng thực tế không có văn bản phúc đáp, chưa cung cấp các dữ liệu về quản lý đất đai (phần đất tranh chấp) qua các thời kỳ, là những chứng cứ quan trọng để Tòa án có cơ sở xem xét giải quyết. Dẫn đến, việc cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Tại cấp phúc thẩm, đã triệu tập và yêu cầu người người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh L tham gia tố tụng, phúc đáp các yêu cầu theo văn bản Tòa án sơ thẩm đã gửi nhiều lần nhưng người được ủy quyền (ông Bùi Thanh H2, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L) không có mặt, không gửi văn bản cung cấp các tài liệu chứng cứ.

Do đó, chưa đủ căn cứ giải quyết toàn diện vụ án nên chưa xem xét kháng cáo của nguyên đơn; cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Khi thụ lý lại vụ án cần có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra về việc giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp tài liệu chứng cứ, quan điểm giải quyết ?

Việc hủy án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Do bản án bị hủy nên nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 81/2025/DS-ST Ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần C không phải chịu, được hoàn lại 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đã nộp theo Biên lai số 0009432 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: DS, VP, 21b-TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh**